

Số: /TMBG-BVĐK

V/v Mời chào giá mua sắm

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 8 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán mua sắm: “Mua sắm vật tư khớp háng, vật tư phẫu thuật nội soi khớp năm 2026 của khoa Chấn thương chỉnh hình thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang”.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang kính mời các quý Công ty báo giá theo nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
- Nơi nhận báo giá: **Ban mua sắm - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang.**
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Bà: Trần Thị Khánh Nhung
 - Chức vụ: Thành viên tổ giúp việc - Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.
 - Số điện thoại: 0912 978 837
 - Email: tgv.bvtq@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá phải được đóng kín, đóng dấu niêm phong.
 - Nhận trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh tới địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Số 44, đường Lê Duẩn, Tổ dân phố Tân Hà 26, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 08 tháng 08 năm 2026 đến trước 17h00 ngày 18 tháng 08 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 18 tháng 08 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế cần báo giá:

(Chi tiết theo phụ lục đi kèm)

2. Địa điểm cung cấp tài sản, hàng hóa, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian dự kiến thực hiện: Quý III năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng/thanh toán: Theo thỏa thuận giữa 2 bên và sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ các giấy tờ pháp lý liên quan.

- Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không có

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu VT; VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG ĐẠO

PHỤ LỤC 01: MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	STT hàng hóa theo thư mời báo giá	Tên hàng hóa theo thư mời báo giá	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sx/ Nước sx	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Quy cách đóng gói (nếu có)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Vui lòng điền đầy đủ thông tin theo bản mẫu.

Gửi kèm File Excel vào mail : vtbtyt.dktq@gmail.com

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời chào giá số: /TMBG-BVĐK ngày 07 tháng 8 năm 2026)

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ nội soi tái tạo dây chằng khớp gối, vai				20	
1.1	Vít treo màng ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Cái	Vít khóa chất liệu hợp kim titanium, chiều dài ≤12mm, chiều rộng ≤3,5mm. Dây treo có thể điều chỉnh chiều dài. Chỉ treo được làm từ chất liệu Polyethylene trọng lượng phân tử cao (UHMWPE), đường kính khoảng 0,700 - 0,799mm, lực căng ≥1.400N Chiều dài vòng dây treo có thể điều chỉnh được ≥ 70mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G20	Cái/Túi		
1.2	Lưỡi cắt đốt dùng trong nội soi khớp	Cái	Lưỡi cắt đốt plasma có van khóa 3 cổng nhằm cải thiện tình trạng tắc ống nước muối trong quá trình hút. Lưỡi cắt đốt Plasma có đường kính 3.2/3.6/4.1/4.3mm, có tối thiểu 2 loại góc nghiêng 75 độ, 90 độ, chiều dài 135mm/220mm. Sử dụng dây vonfram được uốn cong để tránh việc đầu tip bị phân tách trong quá trình phẫu thuật Sử dụng các lỗ hình bán nguyệt lớn giúp tập trung năng lượng ở các cạnh. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G20	Cái/Túi		
1.3	Lưỡi bào khớp	Cái	Lưỡi bào cắt sụn loại có răng dùng trong nội soi khớp, gồm các loại đường kính 3.5/4.2/5.5 chiều dài làm việc ≥130mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G7	Cái/Túi		
1.4	Dây nước chạy máy trong nội soi	Cái	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy loại có bộ lọc bảo vệ trước khi vào bể điều tiết, có đường nước ra vào riêng biệt, loại có đầu lọc bảo vệ, dạng kết nối luer. Lưu lượng nước tối đa có thể chạy qua dây 1500ml/phút, áp suất tối đa 200mmHg/107 inH2O. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G7	Cái/Túi		

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
1.5	Chỉ khâu gân	Cái	Dùng trong phẫu thuật nội soi và phẫu thuật mở dây chằng, phẫu thuật dây chằng chéo trước và sau Kim khâu chất liệu thép không gỉ, chỉ khâu chất liệu UHMWPE hoặc tương đương, chiều dài chỉ khoảng 900mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G20	Cái/Túi		
1.6	Lưỡi mài xương trong nội soi khớp	Cái	Lưỡi mài xương hình bầu dục, đường kính 5.5mm/6.5mm, chiều dài làm việc ≥ 130 mm, đóng tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G7	Cái/Túi		
1.7	Vít chỉ neo khớp vai, chất liệu titanium	Cái	Chất liệu chỉ UHMWPE, chất liệu vít titanium Gồm các kích thước trong khoảng từ: 2.5/3.5/5.0/6.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G20	Cái/Túi		
1.8	Vít chỉ neo khớp vai, chất liệu PEEK	Cái	Chất liệu chỉ UHMWPE, chất liệu vít PEEK Gồm các kích thước trong khoảng từ: 2.5/3.0/3.5/5.0/6.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G20	Cái/Túi		
1.9	Cây đẩy chỉ	Cái	Cây đẩy chỉ dùng 1 lần gồm tối thiểu 3 loại: thẳng, trái 45 độ, phải 45 độ. Đạt tiêu chuẩn ISO, xuất xứ các nước G20	Cái/Túi		
2	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi Karey phủ Hydro Apatite toàn bộ loại chỗm to	Bộ	1. Cuồng chỗm xương đùi: - Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ HA toàn bộ chuỗi bằng cách phun phủ 1 lớp plasma dày 130micron - Kích thước: số 8,9,10,11,12,13,14,15,16. Dài 114/130/140/145/150/155/160/165/170 mm. Offset 38/38/39/40/41/42/43/43/44. - Cấu tạo: Góc nghiêng 135 độ, trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt, giúp chống xoay và chống tụt khớp. Cổ côn 12/14mm. 2. Chỗm xương đùi: - Vật liệu: Thép không gỉ (Stainless-steel) - Kích thước: ĐK 28/32/36 với 4 cỡ S, M, L, XL. 3. Ổ cối: - Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V (ISO 5832-3), phủ	Bộ/ hộp	35	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			HA toàn bộ để tăng độ nhám và kích thích hình thành xương. Bề mặt có nhiều rãnh tròn chạy quanh. Thân có 4 lỗ, trong đó 3 lỗ bắt vít, các lỗ đều có nắp đậy. - Kích thước từ 44mm-68mm, mỗi nhịp cách nhau 2mm. 4.Lót ổ cối: - Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene (ISO 5834-1) - Cấu tạo: bờ chống chệch 15 độ giúp tối đa phạm vi dịch chuyển của khớp. Thành lót ổ cối thiết kế xẻ 12 khía hình chữ V, các khía lệch nhau 30° để lắp vừa với ổ cối. Độ dày thành tối thiểu 5mm. 5. Vít ổ cối: Vít bằng titan, đk 6.5mm, các cỡ từ 20, 25, 30, 35, 40, 45mm			
3	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE, chuỗi Karey phủ Hydro Apatite toàn bộ loại chỏm to	Bộ	1. Cuồng chỏm xương đùi: - Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ HA toàn bộ chuỗi bằng cách phun phủ 1 lớp plasma dày 130micron - Kích thước: số 8,9,10,11,12,13,14,15,16. Dài 114/130/140/145/150/155/160/165/170 mm. Offset 38/38/39/40/41/42/43/43/44. - Cấu tạo: Góc nghiêng 135 độ, trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt, giúp chống xoay và chống tụt khớp. Cổ côn 12/14mm. 2.Chỏm xương đùi: - Vật liệu: BIOLOX® delta* CERAMIC (sứ) - Kích thước: Đk 28/32/36. Đường kính 28mm có 3 cỡ: S, M, L. Đường kính 32, 36 có 4 cỡ S, M, L, XL. 3. Ổ cối: - Vật liệu: Titanium alloy Ti6Al4V (ISO 5832-3), phủ HA toàn bộ để tăng độ nhám và kích thích hình thành xương. Bề mặt có nhiều rãnh tròn chạy quanh. Thân có 4 lỗ, trong đó 3 lỗ bắt vít, các lỗ đều có nắp đậy. - Kích thước từ 44mm-68mm, mỗi nhịp cách nhau 2mm.	Bộ/ hộp	58	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			4. Lót ổ cối: - Vật liệu: XL Cross Linked UHMWPE polyethylene (ISO 5834-1) - Cấu tạo: bờ chống chệch 15 độ giúp tối đa phạm vi dịch chuyển của khớp. Thành lót ổ cối thiết kế xẻ 12 khía hình chữ V, các khía lệch nhau 30° để lắp vừa với ổ cối. Độ dày thành tối thiểu 5mm. 5. Vít ổ cối: Vít bằng titan, đk 6.5mm, các cỡ từ 20, 25, 30, 35, 40, 45mm			

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
4	Khớp háng bán phần không xi măng di động kép, chuôi Karey phủ Hydro Apatite	Bộ	1 bộ gồm 4 chi tiết đóng hộp riêng biệt: 1.Cuống chỏm xương đùi: - Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V), phủ HA toàn bộ chuôi bằng cách phun phủ 1 lớp plasma dày 130micron - Kích thước: số 8,9,10,11,12,13,14,15,16. Dài 114/130/140/145/150/155/160/165/170 mm. Offset 38/38/39/40/41/42/43/43/44. - Cấu tạo: Góc nghiêng 135 độ, trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt, giúp chống xoay và chống tụt khớp. Cổ côn 12/14mm. 2.Chỏm xương đùi: - Vật liệu: Thép không gỉ (Stainless-steel) - Kích thước: ĐK 28 với 4 cỡ S, M, L, XL. 3.Vỏ đầu chỏm Chất liệu: thép không gỉ Stainless Steel AISI 316 LVM, kích thước từ 39mm đến 55mm. Mỗi nhịp tăng 1mm. Từ số 39-43 dùng lót cỡ A, 44-46 dùng cỡ B, 47-50 dùng cỡ C, 51-55 dùng cỡ D. 4.Lót đầu chỏm Chất liệu: polyetylen cao phân tử (P.E. UHMWPE). Gồm 4 cỡ A, B, C, D, tất cả các cỡ dùng với chỏm xương đùi đường kính 28mm.	Bộ/ hộp	40	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
5	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài di động kép, kiểu chuôi Karey R phủ Hydro Apatide	Bộ	1 bộ gồm 4 chi tiết đóng hộp riêng biệt: 1. Cuồng chỏm xương đùi: - Vật liệu: Titanium alloy, phủ HA toàn bộ chuôi - Kích thước: số 9 dài 175mm, số 11 dài 180mm, số 12 dài 190mm, số 14 dài 210mm, số 16 dài 220mm, số 18 dài 230mm, số 20 dài 250mm. - Cấu tạo: thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt. Trên thân có 2 lỗ được dùng để neo và căng lại vùng đốt chuyển. Đầu xa dưới cùng xẻ rãnh để giảm độ cứng của chuôi đồng thời tăng sự tương thích với hình thái sinh học của xương đùi. 2. Chỏm xương đùi: - Vật liệu: Thép không gỉ (Stainless-steel) - Kích thước: ĐK 28 với 4 cỡ S, M, L, XL. 3. Vỏ đầu chỏm Chất liệu: thép không gỉ Stainless Steel AISI 316 LVM, kích thước từ 39mm đến 55mm. Mỗi nhịp tăng 1mm. Từ số 39-43 dùng lót cỡ A, 44-46 dùng cỡ B, 47-50 dùng cỡ C, 51-55 dùng cỡ D. 4. Lót đầu chỏm Chất liệu: polyetylen cao phân tử (P.E. UHMWPE). Gồm 4 cỡ A, B, C, D, tất cả các cỡ dùng với chỏm xương đùi đường kính 28mm.	Bộ/ hộp	5	
6	Bộ nội soi làm sạch					
6.1	Lưỡi bào khớp	Cái	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và	Cái/ hộp	20	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			5mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE			
6.2	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	Cái	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF. Có chức năng hút nước. Có nút bấm trên tay cầm hoặc sử dụng bàn đạp chân. Mặt đốt chất liệu Ceramic. Đầu đốt cong 90 ⁰ và 50 ⁰ , Chiều dài làm việc 160mm, tổng chiều dài 341mm, đường kính 4.0mm. Chiều dài phần dây nối 3.66m. Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái/ hộp	20	
6.3	Dây dẫn nước nội soi	Cái	Dây dẫn nước sử dụng phẫu thuật nội soi. Đầu vào dây cắm 2 chai nước tới máy bơm là loại sử dụng nhiều lần trong ngày, chiều dài 2,762mm. Dây nối từ máy bơm tới trocar là loại sử dụng một lần, chiều dài 3,224mm Xuất xứ từ những nước G7, đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái/ túi	20	
7	Bộ nội soi tái tạo dây chằng all in side					
7.1	Lưỡi bào khớp	Cái	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE	Cái/ hộp	200	
7.2	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	Cái	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF. Có chức năng hút nước. Có nút bấm trên tay cầm hoặc sử dụng bàn đạp chân. Mặt đốt chất liệu Ceramic. Đầu đốt cong 90 ⁰ và 50 ⁰ , Chiều dài làm việc 160mm, tổng chiều dài 341mm,	Cái/ hộp	200	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			đường kính 4.0mm. Chiều dài phần dây nối 3.66m. Đạt tiêu chuẩn FDA			
7.3	Dây dẫn nước nội soi	Cái	Dây dẫn nước sử dụng phẫu thuật nội soi. Đầu vào dây cắm 2 chai nước tới máy bơm là loại sử dụng nhiều lần trong ngày, chiều dài 2,762mm. Dây nối từ máy bơm tới trocar là loại sử dụng một lần, chiều dài 3,224mm Xuất xứ từ những nước G7, đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái/ túi	200	
7.4	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Cái	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài và vít chặn. Phần nút chặn chất liệu titanium (TA6V ELI) kích thước dài 12mm, rộng 4mm, dày 1.5mm. Nẹp mở rộng kích thước dài 20mm, rộng 7mm, dày 1.5mm. Phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài chất liệu UHMWPE (chiều dài nhỏ nhất vòng dây là 15mm). Phần dây kéo và giây lật màu xanh và trắng có chất liệu Polyethylene terephthalate. Độ giãn tối đa là 1.43mm; Lực tải tối đa là 1844N. Vít dây chằng được đóng gói 2 lớp và tiệt trùng bởi ethylene oxide. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái/ túi	400	
7.5	Chỉ siêu bền	Cái	Chỉ siêu bền #2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE và FDA	Cái/ túi	200	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
7.6	Mũi khoan ngược	Cái	Mũi khoan ngược có mẫu lật, đường kính 4.5mm - 12mm (bước tăng 0.5mm), chiều dài 265mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, đạt tiêu chuẩn FDA	Cái/ hộp	10	
8	Bộ nội soi khâu chóp xoay					
8.1	Lưỡi bào khớp	Cái	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE	Cái/ hộp	30	
8.2	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	Cái	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF. Có chức năng hút nước. Có nút bấm trên tay cầm hoặc sử dụng bàn đạp chân. Mặt đốt chất liệu Ceramic. Đầu đốt cong 90 ⁰ và 50 ⁰ , Chiều dài làm việc 160mm, tổng chiều dài 341mm, đường kính 4.0mm. Chiều dài phần dây nối 3.66m. Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái/ hộp	30	
8.3	Dây dẫn nước nội soi	Cái	Dây dẫn nước sử dụng phẫu thuật nội soi. Đầu vào dây cắm 2 chai nước tới máy bơm là loại sử dụng nhiều lần trong ngày, chiều dài 2,762mm. Dây nối từ máy bơm tới trocar là loại sử dụng một lần, chiều dài 3,224mm Xuất xứ từ những nước G7, đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái/ túi	30	
8.4	Vít neo không thắt nút khâu chóp xoay	Cái	Vít neo không thắt nút khâu chóp xoay gồm 2 phần, phần vít neo chất liệu Biocompostie(PLGA+β-TCP) và mũi nhòn chất liệu PEEK kèm theo một chỉ siêu bền UHMWPE số 2. Phần vít neo có bước ren đôi, dài 14.7mm, đường kính ngoài 5.5mm, đường kính trong	Cái/ hộp	60	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			3.6mm. Phần tip PEEK đường kính 4.2mm, dài 10.5mm Đạt tiêu chuẩn FDA			
8.5	Trocar nội soi khớp	Cái	Ống Trocar nội soi loại có ren hoặc không có ren, đường kính 6.0mm/ 8.25mm, chiều dài 72mm Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái/ túi	5	
8.6	Chỉ siêu bền	Cái	Chỉ siêu bền #2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE và FDA	Cái/ túi	30	
8.7	Lưỡi mài khớp	Cái	Lưỡi mài xương khớp có chiều dài 130mm, các đường kính là 4mm và 5.5mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE	Cái/ túi	30	
9	Bộ nội soi khâu sụn viên					
9.1	Lưỡi bào khớp	Cái	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE	Cái/ hộp	20	
9.2	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	Cái	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF. Có chức năng hút nước. Có nút bấm trên tay cầm hoặc sử dụng bàn đạp chân. Mặt đốt chất liệu Ceramic. Đầu đốt cong 90 ⁰ và 50 ⁰ , Chiều dài làm việc 160mm, tổng chiều dài 341mm, đường kính 4.0mm. Chiều dài phần dây nối 3.66m. Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái/ hộp	20	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
9.3	Dây dẫn nước nội soi	Cái	Dây dẫn nước sử dụng phẫu thuật nội soi. Đầu vào dây cắm 2 chai nước tới máy bơm là loại sử dụng nhiều lần trong ngày, chiều dài 2,762mm. Dây nối từ máy bơm tới trocar là loại sử dụng một lần, chiều dài 3,224mm Xuất xứ từ những nước G7, đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái/ túi	20	
9.4	Vít chỉ neo khâu sụn viền	Cái	Vít neo khâu sụn viền chất liệu Biocompostie(PLGA+ β -TCP) kèm một chỉ siêu bền số 2 chất liệu UHMWPE. Đầu vít neo dài 11.9mm, đường kính trong 2.4mm, đường kính ngoài 3.0mm. Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái/ túi	40	
9.5	Trocar nội soi khớp	Cái	Ống Trocar nội soi loại có ren hoặc không có ren, đường kính 6.0mm/ 8.25mm, chiều dài 72mm Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái/ túi	5	
9.6	Chỉ siêu bền	Cái	Chỉ siêu bền #2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE và FDA	Cái/ túi	20	
9.7	Lưỡi mài khớp	Cái	Lưỡi mài xương khớp có chiều dài 130mm, các đường kính là 4mm và 5.5mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE	Cái/ túi	20	
10	Bộ khớp gối giống trực động học	Bộ	Khớp gối toàn phần sử dụng kỹ thuật mô giống trực động học (Kinematic) bảo toàn trục khớp, để phục hồi trục khớp tự nhiên của bệnh nhân như trước khi bị viêm. - Lõi cầu: chất liệu Cobalt Chrome, thiết kế kiểu chữ J. Độ di chuyển lõi cầu từ -45 độ đến 100 độ. Có 8 size trái phải với độ dày khác nhau. Chiều dài 59, 61, 64, 66, 70,	Bộ/ hộp	20	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			73, 77, 80mm, chiều rộng 51,54, 57, 60, 64, 68, 72, 76mm. Dày 9mm. Đạt tiêu chuẩn FDA. - Mâm chày: Chất liệu Titanium Alloy, có 8 size chuẩn và 3 size cộng, có khóa trong khớp cố định lót đệm nghiêng 8° theo hướng rạch vết mổ (hướng trước-giữa). Chiều dài mâm chày 54, 58, 62, 66, 70, 74, 78, 82, 86mm. Chiều rộng mâm chày 40, 43, 46, 49, 52, 55, 58, 61, 64mm. Chiều dài chuôi 31, 34, 38, 41mm. Đạt tiêu chuẩn FDA. - Lót đệm mâm chày: chất liệu Polyethylene cao phân tử, đảm bảo chuyển động xoay sâu lõi cầu 1 góc 15 độ. Có 8 size chuẩn và 7 size cộng, độ dày 10, 12, 14, 17mm. Chiều cao môi sau: 11mm, 12mm. Đạt tiêu chuẩn FDA. - Xi măng có kháng sinh được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer 14.4g vô trùng (thành phần 84.4% Methylmethacrylate; 13.2% N-Butyl methacrylate; 2.4% N,N Dimethyl-p- toluidine và 20 ppm Hydroquinone) và một gói bột polymer 41.6g bọc vô trùng 2 lớp (thành phần 84.3% Polymethylmethacrylate; 2.3% Benzoyl Peroxide và 9.6% Barium sulphate và Gentamicin sulphate 3.8%). Bộ dụng cụ tối thiểu để phẫu thuật bao gồm: + Thước đo độ dày sụn + Que dẫn hướng lõi cầu để tính toán mặt cắt tối thiểu lõi hai bên lõi cầu trong và lõi cầu ngoài + Mặt cắt lõi cầu, chỉnh được hướng dày mỏng của lát cắt lõi cầu trong và ngoài + Mặt cắt mâm chày, chỉnh được độ dày mặt cắt tổn thương tại vị trí.			

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
11	Bộ khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	Ổ cối: Cấu tạo bởi 2 lớp: lớp ngoài làm bằng thép không gỉ High Nitrogen, lớp bên trong UHMWPE, size: 38, 40 - 57mm mỗi bước tăng 1mm. Ổ cối size 38-42mm gắn với chỏm 22mm, ổ cối size 42-59mm gắn với chỏm 28mm. Chỏm khớp Chất liệu Cobalt-chromium-molybdenum, cỡ 22mm (-3.5; +0; +3.5) 28mm (-3.5; +0; +3.5) Chuôi chất liệu hợp kim Ti6Al4V, thân phủ xốp bằng plasma hợp kim Titan. Độ bền kéo > 22MPa, độ bền cắt > 22MPa, bề mặt phủ dày 195-255 micron. Cổ côn 12/14. Góc cổ nghiêng 132 độ, có 13 kích thước từ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 với chiều dài cả chuôi tương ứng 128, 130, 133, 136, 138, 140, 143, 145, 148, 151, 153, 158, 163mm, chiều dài đoạn phủ xốp 54, 61, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 70, 71, 72, 74, 76mm. Loại cổ offset Standard dài 35.6, 38.7, 40.1, 40.7, 42.1, 42.7, 43.3, 43.9, 46.8, 47.4, 48.0, 49.3, 50.5mm, chiều cao cổ chuôi 11.4, 12.7, 13.4, 14.1, 16.1mm, chiều dài cổ chuôi 35.7, 38.5, 39.4, 39.3, 40.4, 43.4, 43.6mm.	Bộ/ hộp	20	
12	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài	Bộ	Ổ cối: Cấu tạo bởi 2 lớp: lớp ngoài làm bằng thép không gỉ High Nitrogen, lớp bên trong UHMWPE, size: 38, 40 - 57mm mỗi bước tăng 1mm. Ổ cối size 38-42mm gắn với chỏm 22mm, ổ cối size 42-59mm gắn với chỏm 28mm. Chỏm khớp Chất liệu Cobalt-chromium-molybdenum, cỡ 22mm (-3.5; +0; +3.5) 28mm (-3.5; +0; +3.5) Chuôi vật liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V, vỏ ngoài phủ lớp nhám plasma. Cổ chuôi dài 50mm (50A), 60mm(60A/60B/60C/60D/60E/60F/60G), 70mm(70A/70B/70C/70D/70E/70F/70G),	Bộ/ hộp	35	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			80mm(80A/80B/80C/80D/80E/80F/80G). Thân đuôi có đường kính 12-30mm (mỗi cỡ tăng 1mm), chiều dài thân 150/190mm.			
13	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ	Ổ cối không xi măng: chất liệu Ti6Al4V phủ Titanium Plasma 100 micron và phủ HA plasma 100 micron. Độ kết tinh >80%, độ % HAP > 70%. Kích cỡ từ 44-70mm, mỗi cỡ tăng 2mm. Ổ cối kích thước 44-46mm dùng với chỏm 28mm; Ổ cối kích thước 48mm dùng với chỏm 32mm; Ổ cối kích thước 50-58mm dùng với chỏm 36mm; Ổ cối kích thước 60-70mm dùng với chỏm 40mm. Lót đệm Crosslinked UHMWPE chiếu tia gamma ở 7.5 MRads, có gờ chống chặt 0⁰, 10⁰ và 20⁰. Chỏm khớp Chất liệu Cobalt-chromium-molybdenum cỡ 28mm (-3.5; +0; +3.5); 32mm (-4; + 0; +4; +7); 36mm (-4; + 0; +4; +7) Chuôi chất liệu hợp kim Ti6Al4V, thân phủ xốp bằng plasma hợp kim Titan. Độ bền kéo > 22MPa, độ bền cắt > 22MPa, bề mặt phủ dày 195-255 micron. Cổ côn 12/14. Góc cổ nghiêng 132 độ, có 13 kích thước từ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 với chiều dài cả chuôi tương ứng 128, 130, 133, 136, 138, 140, 143, 145, 148, 151, 153, 158, 163mm, chiều dài đoạn phủ xốp 54, 61, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 70, 71, 72, 74, 76mm. Loại cổ offset Standard dài 35.6, 38.7, 40.1, 40.7, 42.1, 42.7, 43.3, 43.9, 46.8, 47.4, 48.0, 49.3, 50.5mm, chiều cao cổ chuôi 11.4, 12.7, 13.4, 14.1, 16.1mm, chiều dài cổ chuôi 35.7, 38.5, 39.4, 39.3, 40.4, 43.4, 43.6mm. Vít bắt ổ cối cỡ 15-40mm (mỗi cỡ tăng 5mm), chất liệu	Bộ/ hộp	40	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			Ti6Al4V, đường kính 6.5mm Đạt tiêu chuẩn CE			
14	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Pe	Bộ	Ổ cối không xi măng: chất liệu Ti6Al4V phủ Titanium Plasma 100 micron và phủ HA plasma 100 micron. Độ kết tinh >80%, độ % HAP > 70%. Kích cỡ từ 44-70mm, mỗi cỡ tăng 2mm. Ổ cối kích thước 44-46mm dùng với chỏm 28mm; Ổ cối kích thước 48mm dùng với chỏm 32mm; Ổ cối kích thước 50-58mm dùng với chỏm 36mm; Ổ cối kích thước 60-70mm dùng với chỏm 40mm. Lót đệm Crosslinked UHMWPE chiếu tia gamma ở 7.5 MRads, có gờ chống chậ 0⁰, 10⁰ và 20⁰. Chỏm khớp Chất liệu Ceramic (Alumina và zirconia), cỡ 28mm (-4; +0; +4); 32mm (-4; + 0; +4; +7); 36mm (-4; + 0; +4; +7) Chuôi chất liệu hợp kim Ti6Al4V, thân phủ xốp bằng plasma hợp kim Titan. Độ bền kéo > 22MPa, độ bền cắt > 22MPa, bề mặt phủ dày 195-255 micron. Cổ côn 12/14. Góc cổ nghiêng 132 độ, có 13 kích thước từ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 với chiều dài cả chuôi tương ứng 128, 130, 133, 136, 138, 140, 143, 145, 148, 151, 153, 158, 163mm, chiều dài đoạn phủ xốp 54, 61, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 70, 71, 72, 74, 76mm. Loại cổ offset Standard dài 35.6, 38.7, 40.1, 40.7, 42.1, 42.7, 43.3, 43.9, 46.8, 47.4, 48.0, 49.3, 50.5mm, chiều cao cổ chuôi 11.4, 12.7, 13.4, 14.1, 16.1mm, chiều dài cổ chuôi 35.7, 38.5, 39.4, 39.3, 40.4, 43.4, 43.6mm. Vít bắt ổ cối cỡ 15-40mm (mỗi cỡ tăng 5mm), chất liệu	Bộ/ hộp	55	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			Ti6Al4V, đường kính 6.5mm Đạt tiêu chuẩn CE			
15	Bộ khớp háng toàn phần không xiết xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp	Bộ	- Ổ cối: Titanium. Bề mặt gồm các hạt titan liên kết. Độ xấp 30% - avg. Kích thước lỗ 114µm. Rìa ổ cối loe 14 độ. Có sẵn các cỡ từ ϕ 42mm - ϕ 68mm, mỗi bước tăng 2mm. Cỡ 42mm group A, 44mm group B, 46-48mm group C, 50mm group D, 52-54mm group E, 56-58mm group F, 60-68mm group G. Đường kính bên trong 35/37/39/41/44/48/52mm. Đường kính bên ngoài từ ϕ 44mm - ϕ 70mm, mỗi bước tăng 2mm. Chiều cao tương ứng từ 20.5-33.5mm, mỗi bước tăng 1mm. - Lót đệm bằng Polyethylene, liên kết ngang, có bờ chống trật, 0° và 15°, các cỡ 28mm (lót ổ cối group B, C; sử dụng với ổ cối cỡ 44 - 48mm); 32mm (lót ổ cối group D, E; sử dụng với ổ cối cỡ 50 - 54mm); cỡ 36mm (lót ổ cối group F, G; sử dụng với ổ cối 56 - 68mm). - Chỏm chất liệu Cobalt Chrome các cỡ 28mm, (-3.5; 0; +3.5; +7); 32mm, (-3.5; 0; +3.5; +7); 36mm, (-3.5; 0; +3.5; +7) - Chuôi cổ liên chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180 ± 50 micromet. Góc cổ nghiêng 135 độ. Thân chuôi có 10 sizes 1 - 10 (bước tăng 1). Độ rộng M/L: 27 - 36mm (mỗi bước tăng 1mm). Độ dày A/P: 12-19 (mỗi bước tăng 1mm). Chiều dài chuôi bên trong (Med Length) từ 107/ 117/ 122/ 127/ 132/ 137/ 142/ 147/ 152/ 157mm; chiều dài chuôi bên ngoài (Lat. Length) từ 125/ 135/ 140/ 145/ 150/ 155/ 160/ 165/ 170/ 175mm. Chiều dài cổ: 32 - 35mm (mỗi bước tăng 1mm). Offset cổ: 37 - 44mm (mỗi bước tăng 1mm)	Bộ/ hộp	5	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			- Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. - Mũi khoan ổ cối mô ít xâm lấn - Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mô ít xâm lấn. Sử dụng kỹ thuật mô ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp. Bộ dụng cụ để thực hiện kỹ thuật tối thiểu bao gồm: + Bánh để vén gân cơ không làm nát phần mềm. + Bộ khung định vị dẫn hướng để đặt ổ cối.			
16	Bộ khớp háng toàn phần không xi chôm Ceramic, ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp	Bộ	- Ổ cối: Titanium. Bề mặt gồm các hạt titan liên kết. Độ xốp 30% - avg. Kích thước lỗ 114µm. Rìa ổ cối loe 14 độ. Có sẵn các cỡ từ ϕ 42mm - ϕ 68mm, mỗi bước tăng 2mm. Cỡ 42mm group A, 44mm group B, 46-48mm group C, 50mm group D, 52-54mm group E, 56-58mm group F, 60-68mm group G. Đường kính bên trong 35/37/39/41/44/48/52mm. Đường kính bên ngoài từ ϕ 44mm - ϕ 70mm, mỗi bước tăng 2mm. Chiều cao tương ứng từ 20.5-33.5mm, mỗi bước tăng 1mm. - Lót đệm bằng Polyethylene, liên kết ngang, có bờ chống trật, 0° và 15°, các cỡ 28mm (lót ổ cối group B, C; sử dụng với ổ cối cỡ 44 - 48mm); 32mm (lót ổ cối group D, E; sử dụng với ổ cối cỡ 50 - 54mm); cỡ 36mm (lót ổ cối group F, G; sử dụng với ổ cối 56 - 68mm). - Chôm Ceramic Biolox Delta các cỡ 28mm (-3.5; 0; +3.5); cỡ 32mm, 36mm và 40mm (-4; 0; +4) - Chuôi chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180 ± 50 micromet. Góc cổ nghiêng 135 độ. Thân chuôi có 10 sizes 1 - 10 (bước tăng 1). Độ rộng M/L: 27 - 36mm (mỗi bước tăng 1mm). Độ dày A/P: 12-19 (mỗi bước tăng 1mm). Chiều dài chuôi bên trong (Med Length) từ 107/ 117/ 122/ 127/	Bộ/ hộp	7	

ST T	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói (nếu có)	Số lượng	Ghi chú
			132/ 137/ 142/ 147/ 152/ 157mm; chiều dài chuôi bên ngoài (Lat. Length) từ 125/ 135/ 140/ 145/ 150/ 155/ 160/ 165/ 170/ 175mm. Chiều dài cổ: 32 - 35mm (mỗi bước tăng 1mm). Offset cổ: 37 - 44mm (mỗi bước tăng 1mm) - Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. - Mũi khoan ổ cối mổ ít xâm lấn - Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mổ ít xâm lấn. Sử dụng kỹ thuật mổ ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp. Bộ dụng cụ để thực hiện kỹ thuật tối thiểu bao gồm: + Bánh để vén gân cơ không làm nát phần mềm. + Bộ khung định vị dẫn hướng để đặt ổ cối.			